

Bản án số: 26/2024/DS-PT

Ngày: 19 - 4- 2024.

V/v: Chia thừa kế theo pháp luật;

Hủy hợp đồng tặng cho tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**.

Các Thẩm phán: Ông **Hàng Lâm Viên**;

Bà **Phạm Thị Anh Trang**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hoàng Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà **Huỳnh Thị Hồng Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: *Chia thừa kế là quyền sử dụng đất; Hủy hợp đồng tặng cho tài sản.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2024/QĐXXPT-DS ngày 28/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐXXPT-DS ngày 26/3/2024 giữa các đương sự;

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1981 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H: Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1995 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024); Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Lê Thị Thu H2**, sinh năm 1992 (có mặt);

3.2. Bà **Lê Thị Thu H3**, sinh năm 1987 (có mặt);

3.3. Ông **Lê Quang H4**, sinh năm 1983 (có mặt);

3.4. Ông **Lê Quang H5**, sinh năm 1989 (có mặt);

3. 5. Bà **Võ Thị Thùy L**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

3. 6. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đăng Anh N** - Chủ tịch UBND xã Q (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà **Lê Thị Thúy H** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 5 năm 2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H trình bày:

Cha của bà là ông Lê Văn A và mẹ là bà Đoàn Thị T. Cha mẹ bà có 05 người con chung là bà, Lê Quang H4, Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu H2, Lê Quang H5. Ngoài ra không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà nội đã chết trước khi cha bà chết.

Cha mẹ bà có 01 lô đất diện tích khoảng 600m² tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, nguồn gốc là của cha mẹ bà mua vào năm 1984 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2000 cho hộ bà Đoàn Thị T. Hiện thửa đất của cha mẹ bà được tách thành hai thửa đất số 266 và 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Năm 2009 khi chưa được sự đồng ý của anh chị em trong gia đình, cha mẹ bà đã sang tên tặng cho em trai và em dâu bà là ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L 01 phần đất có diện tích 313m² là thửa số 267 và vợ chồng ông H4 bà L đã xây dựng nhà ở và các công trình khác trên đất, phần đất còn lại có diện tích 321m² do mẹ bà đang quản lý sử dụng thuộc thửa số 266.

Năm 2020 cha bà chết không để lại di chúc, năm 2021 bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu phân chia di sản của cha bà để lại là toàn bộ thửa đất diện tích hơn 600m² tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản khác trên đất của cha bà để lại gồm: 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện

tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m². Ngày 16 tháng 5 năm 2023, bà khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cha mẹ và ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L vì lý do cha mẹ phân chia không đồng đều, không có sự đồng ý của tất cả các con.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m².

Bà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/9/2009 giữa cha mẹ bà là ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L được UBND xã Q chứng thực đồng thời phân chia di sản đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Bà thống nhất trị giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá, không yêu cầu định giá lại và bà xin nhận bằng tiền khi phân chia di sản.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Bà thống nhất lời khai của nguyên đơn về các thành viên trong gia đình. Cha mẹ chồng bà đã chết trước khi chồng bà chết. Năm 2020 chồng bà chết không để lại di chúc.

Trong quá trình sống chung vợ chồng bà có tạo lập được các tài sản sau: 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m² trên thửa đất diện tích khoảng 600m² tọa lạc tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Nguồn gốc đất trên là của vợ chồng bà sang nhượng từ hộ khác vào năm 1984 chứ không phải là được chế độ cũ cấp năm 1973.

Năm 2009 khi chưa được sự đồng ý của các con, vợ chồng bà đã tặng cho ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L một phần diện tích đất 313m² hiện thuộc thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tọa lạc thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Vợ chồng ông H4, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã xây dựng nhà và các công trình khác trên đất, phần đất còn lại là thửa đất số 266 vẫn do bà đang quản lý sử dụng và có các tài sản chung của vợ chồng bà trên đất. Khi vợ chồng bà L ông H4 xây dựng nhà ở thì các con bà không ai tranh chấp.

Năm 2021 con gái bà là Lê Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản của chồng bà để lại là toàn bộ thửa đất diện tích hơn 600m² và các tài sản khác của vợ chồng bà trên đất, khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/9/2009 giữa vợ chồng bà là ông Lê Văn A và Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L được UBND xã Q chứng thực. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, con gái bà Lê Thị Thúy H rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m² và chỉ yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/9/2009 giữa ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L được UBND xã Q chứng thực đồng thời phân chia di sản đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì bà đồng ý bởi vì vợ chồng bà tặng cho con cái không đồng đều nên các con tranh chấp.

Bà thống nhất trị giá tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá, không yêu cầu định giá lại và bà xin nhận bằng tiền khi phân chia di sản.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H3, Lê Thị Thu H2, Lê Quang H5, Lê Quang H4 trình bày:

Các ông, bà đồng ý với lời trình bày của bà H và bà T về quan hệ nhân thân, về tài sản và nguồn gốc tài sản.

Do cha mẹ không phân chia đồng đều đồng thời chữ ký tặng cho trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không phải của bà H, bà H2, bà H3 và ông H5 vì vậy bà H đề nghị Tòa án tuyên hủy văn bản tặng cho QSD đất và phân chia di sản đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì các ông, bà đồng ý với ý kiến của bà H.

Các ông, bà thống nhất giá trị tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá, không yêu cầu định giá lại và ông H4, bà H6, ông H5 xin nhận bằng tiền khi phân chia di sản. Bà Lê Thị Thu H2 xin nhận hiện vật là thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và đồng ý hoàn trả giá trị tài sản

trên đất của bà L và ông H4 bằng tiền. Đối với việc rút yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H thì các ông, bà đồng ý.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thùy L trình bày:

Nguyên trước đây ông Lê Quang H4 là chồng bà. Năm 2015 bà và ông H4 ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận chưa phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Khoảng năm 2005, cha mẹ chồng bà là ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T yêu cầu vợ chồng ra ở riêng và có cho bà và ông H4 01 lô đất có chiều ngang là 10m, dài 30m. Năm 2006 bà và ông H4 xây dựng nhà và các công trình khác trên đất. Ngày 07/9/2009 ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ 60, tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và đã được UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận chứng thực. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất thì cha mẹ chồng cùng ông H4 trực tiếp làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và bà chỉ lên UBND xã Q, huyện N để ký và bà không hề gian dối trong khi làm thủ tục tặng cho. Từ khi xây dựng nhà ở cho đến khi ông Lê Văn A chết thì các chị em chồng vẫn biết, không có tranh chấp gì.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ 60, tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vì cho rằng bà H, bà H3, bà H2, ông H5 không ký vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì bà không đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Đăng Anh N - người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 07/9/2009, UBND xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận có chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T và vợ chồng ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ 60, tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Nay các đương sự yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T và vợ chồng ông Lê Quang H4 bà Võ Thị Thùy L thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 và 483, 156, 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các

Điều 122, 124 của Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H về việc:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L được UBND xã Q chứng thực ngày 07/9/2009.

Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 diện tích 313m² tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 321m² và các tài sản gồm: 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m².

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2023 nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: *Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L được UBND xã Q chứng thực ngày 07/9/2009. Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 diện tích 313m² tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H1 và nguyên đơn tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân diện tích tăng thêm 34m² (từ 600m² lên 634m²) và sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký, đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 02/10/2023 các nguyên đơn nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án là *“Tranh chấp về thừa kế tài sản: yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”* là chưa chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án là: *“Chia thừa kế theo pháp luật; Hủy hợp đồng tặng cho tài sản”*.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận: Thửa đất số 124 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (hiện đã được tách thành 02 thửa là thửa đất số 266 và 267) có diện tích là 634m² (theo đo đạc thực tế) là tài sản chung của ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 có nguồn gốc là nhận sang nhượng từ người khác, không phải là tài sản chung của ông A, bà T và các con. Trên thửa đất số 266, diện tích 321m² có các tài sản do ông A bà T xây dựng. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định: Thửa đất số 124 tờ bản đồ số 60 diện tích là 634m²

tọa lạc tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (hiện đã được tách thành 02 thửa là 266 và 267) các tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T là có cơ sở.

[3.2] Thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là tài sản chung của ông A và bà T. Vì vậy, quyền định đoạt tài sản chung thuộc về ông A và bà T mà không cần phải có ý kiến đồng ý của các ông, bà H, H3, H5, H2. Tuy chữ ký tại hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/9/2009 không phải của các con bà T và ông A nhưng bà H, ông H5, bà H2, bà H3 không có quyền định đoạt đối với tài sản này nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/9/2009 được UBND xã Q chứng thực là hợp pháp và đúng quy định tại Điều 122, 124 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H3, H5, H2 đều xác nhận: vợ chồng ông Lê Quang H4, bà Võ Thị Thùy L xây nhà và các tài sản trên đất vào năm 2006 nhưng không ai có ý kiến phản đối. Từ năm 2006 đến ngày 07/9/2009 bà Đoàn Thị T và ông Lê Văn A đã lập hợp đồng tặng cho QSD đất cho vợ chồng ông H4, bà L thửa đất số 267 và đến trước khi ông Lê Văn A chết, ông A bà T và các con H, H4, H3, H5, H2 cũng không khiếu nại về việc ông H4, bà L xây nhà và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T ông H4 cho rằng: cha mẹ chỉ cho ông H4 bà L 07 mét chiều ngang nhưng ông H4 bà L lại đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 10 mét chiều ngang nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.5] Xét nội dung tranh luận của bên phía nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm thấy: nội dung này không có trong yêu cầu khởi kiện, không có trong nội dung kháng cáo của nguyên đơn; Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cũng xác nhận: khi kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000 là do gia đình tự kê khai không đo đạc thực tế. Năm 2009 tách làm 02 thửa 266, 267 vợ chồng bà cũng không có ý kiến hay khiếu nại về việc diện tích đất tăng thêm 34m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận tranh luận của nguyên đơn.

[3.6] Theo nội dung án lệ số 03/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có quy định về trường hợp cha mẹ đã tặng

cho vợ chồng người con một diện tích đất và vợ chồng người con đã xây nhà kiên cố trên đất đó để làm nơi ở khi vợ chồng người con xây dựng nhà thì cha mẹ và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy: Các tình tiết của vụ án phù hợp với nội dung của án lệ số 03/2016/AL như sau: *Vợ chồng anh H4 chị L đã xây nhà trên đất từ năm 2006. Năm 2009 cha mẹ chồng là ông Lê Văn A và bà Đoàn Thị T đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là thửa 267 có chứng thực của UBND xã Q và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi cho đất và được cấp giấy chứng nhận năm 2009 đến năm 2015 khi chị L và anh H4 ly hôn hay đến trước khi ông A chết vào năm 2020 gia đình ông A bà T không có khiếu nại gì. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng án lệ số 03/2016/AL nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng án lệ số 03/2016/AL trong bản án phúc thẩm.*

[4] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Những phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

**Về chi phí đo đạc và định giá:*

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 4.388.000 (Bốn triệu ba trăm tám mươi tám ngàn) đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc, trích lục và định giá. Nguyên đơn đã nộp đủ.

** Về chi phí giám định:*

Về chi phí giám định chữ ký là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng) yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký. Nguyên đơn đã nộp đủ.

• *Về án phí:*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H không được chấp nhận nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Các điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 122, 124 Bộ luật dân sự 2005; Án lệ 03/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Các điều 27, 29 Nghị quyết 326/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thúy H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy H về việc:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn A, bà Đoàn Thị T với ông Lê Quang H4 và bà Võ Thị Thùy L ngày 07/9/2009.

Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 267 tờ bản đồ số 60 diện tích 313m² tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 266, tờ bản đồ số 60 tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận diện tích 321m² và các tài sản gồm: 01 căn nhà diện tích 120,9m²; 01 mái che cột kèo sắt lợp tôn diện tích 119,6m²; 01 hàng rào khung sắt cao 1,9m, dài 7,4m tổng diện tích 14m²; 02 trụ cổng bê tông có thể tính 0,12m³/trụ; 01 mái che lợp tôn 15,1m²; 01 nhà cấp 4B diện tích 26m²; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m², chuồng heo xây gạch diện tích 30m²; 01 giếng nước; 01 nhà vệ sinh; 01 hàng rào xây gạch diện tích 20m².

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng 006224 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn ngày 26/5/2023 do ông Trần Văn N1 nộp thay bà Lê Thị Thúy H. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0024189 ngày 13/7/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn do ông Trần Văn N1 nộp thay bà Lê Thị Thúy H.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006342 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn do bà Lê Thị Thu H3 nộp thay. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự (08);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Sơn (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Trang

